

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2026

“Về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Đăng Huân.

2/ Bà Nguyễn Thị Chinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST- HNGĐ ngày 28/01/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1995. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014 tôi và anh Nguyễn Ngọc T cưới nhau trên tinh thần tự nguyện yêu thương nhau, đến năm 2018, mới đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo đúng quy định.

Cuộc sống chung hạnh phúc trong một thời gian ngắn thì đến năm 2015 anh T đánh nhau nên đi chấp hành án đến năm 2018 mới về địa phương, sau khi sinh con thứ hai thì đến năm 2022 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do anh T chơi bời,

không chăm lo cuộc sống gia đình, không lo làm ăn để nuôi con, do đó tôi đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đăk Lăk) nhưng anh T hứa sẽ thay đổi nên tôi đã rút lại đơn. Tuy nhiên đến nay anh T vẫn không thay đổi, thường xuyên bạo hành mẹ con tôi về mặt tinh thần, do đó từ tháng 11 năm 2025 chúng tôi ly thân. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Anh K, sinh ngày 11/3/2015 và Nguyễn Ngọc Anh K1, sinh ngày 21/10/2018. Hiện các cháu đang ở với tôi nên tôi yêu cầu tiếp tục nuôi cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T tại phiên tòa hôm nay vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với anh T nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đăk Lăk nhận định về các hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B; Giao cả 02 con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B. Về tài sản và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đăk Lăk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy đăng ký kết hôn số 53 ngày 24/5/2018 của UBND xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk (nay là UBND xã E, tỉnh Đăk Lăk) thì xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Ngọc T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do tính tình hai người không hợp nhau, không có tiếng nói chung.

Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 11/2025 đến nay hai người đã sống ly thân.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 17/12/2025, xác định quá trình sinh sống tại địa phương vợ chồng chị B có phát sinh mâu thuẫn nên hiện nay không chung sống cùng nhau.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị B ly hôn với anh T.

[3.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị B có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Ngọc Anh K, sinh ngày 11/3/2015 và Nguyễn Ngọc Anh K1, sinh ngày 21/10/2018.

Quá trình giải quyết, chị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. HĐXX xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Tuy nhiên từ khi ly thân cho đến nay cả 02 con chung đều do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời cháu Nguyễn Ngọc Anh K, sinh ngày 11/3/2015 cũng mong muốn được ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn.

Căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 10 - Đắk Lắk về nội dung vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

[2] Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh K, sinh ngày 11/3/2015 và Nguyễn Ngọc Anh K1, sinh ngày 21/10/2018 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Ngọc T không phải trợ cấp nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị B.

Không ai có quyền cản trở việc đi lại thăm nom con chung.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004838 ngày 25/11/2025. Chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 10 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Trang